

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19/6/2020
V/v “Ly hôn và tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Thử - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hữu Ái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị M, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngôn Trọng H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Chị Vi Thị M và anh Ngôn Trọng H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C vào ngày 14/02/2014 trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc, đến tháng 5/2019 chị M và anh H sống ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh H thường hay nhậu nhẹt, say xỉn, nhiều lần chửi mắng và đánh chị M. Nay chị M thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa, chị M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Ngôn Trọng H.

- Về con chung: chị M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung là: Ngôn Trọng C, sinh ngày 22/6/2014 đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H nhưng anh H vắng mặt, không tham gia tố tụng. Ngày 02/6/2020 anh Ngôn Trọng H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; Quá trình giải quyết vụ án Tòa đã nhiều lần triệu tập bị đơn lên làm việc, nhưng bị đơn cố tình không lên Tòa án làm việc. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H và yêu cầu được nuôi con; anh H đang cư trú tại Thôn A, xã B, huyện C, do đó đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật TTDS.

Điều kiện mở phiên tòa: Bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C trên cơ sở tự nguyện, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã tiến hành hoà giải giữa các đương sự đề duy trì quan hệ hôn nhân cùng nhau xây dựng gia đình. Tuy nhiên, anh H vắng mặt và chị M vẫn giữ nguyên quan điểm của mình xin ly hôn với anh

H. Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) xét thấy: cuộc sống vợ chồng giữa chị M và anh H đã có mâu thuẫn, cụ thể: chị M và anh H có cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2019. Lời khai của chị M phù hợp với kết quả trả lời xác minh ở Thôn A, xã B ngày 11/5/2020 của Tòa án, lưu tại hồ sơ vụ án. HĐXX thấy rằng mâu thuẫn giữa chị M và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận cho chị Vi Thị M được ly hôn với anh Ngôn Trọng H.

- Về con chung: Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung của chị M HĐXX xét thấy: chị M và anh H đang cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; chị M có công việc ổn định, thu nhập cơ bản, có khả năng nuôi dưỡng con chung (Chị M đã cung cấp bảng thanh toán tiền lương, phụ cấp lưu hồ sơ vụ án). Vì vậy, cần giao con Ngôn Trọng C, sinh ngày 22/6/2014 cho chị Vi Thị M được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng; HĐXX xét thấy: để bảo đảm quyền của con chung chưa thành niên cần áp dụng Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 về nghĩa vụ, quyền lợi của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị M, buộc anh Ngôn Trọng H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Ngôn Trọng C, sinh ngày 22/6/2014 với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng: vào ngày 15 hàng tháng; thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ 15/7/2020 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị M là người đại diện hợp pháp của cháu C, là người đại diện nhận tiền cấp dưỡng.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị M là người yêu cầu ly hôn nên chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Ngôn Trọng H phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Các điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị M.

1. Về hôn nhân: Chị Vi Thị M được ly hôn với anh Ngôn Trọng H.

2. Về con chung: Giao con chung là Ngôn Trọng C, sinh ngày 22/6/2014 cho chị Vi Thị M được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Ngôn Trọng H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Ngôn Trọng C, sinh ngày 22/6/2014 với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng: vào ngày 15 hàng tháng; thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ 15/7/2020 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị M là người đại diện hợp pháp của cháu C, là người đại diện nhận tiền cấp dưỡng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật anh H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, chị Vi Thị M có quyền yêu cầu thi hành án. Từ khi có đơn yêu cầu thi hành án thì áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

4. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vi Thị M phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000625 ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Anh Ngôn Trọng H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lộc Thị Vinh